

Số: *9070* /BNN-KHCN

Hà Nội, ngày *10* tháng 11 năm 2014

V/v: Thực hiện Thông tư
121/2014/TTLT-BTC-BKHCN
hướng dẫn xây dựng nhiệm vụ
thường xuyên theo chức năng

Kính gửi: Các đơn vị nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc Bộ

Thực hiện Thông tư số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/8/2014 Hướng dẫn xây dựng nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các đơn vị khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ thực hiện các nội dung sau:

1. Đề xuất danh mục nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng

Các đơn vị khoa học và công nghệ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định phê duyệt đề án 115 đã ban hành hoặc theo Quyết định thành lập đơn vị lập danh mục các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (theo mẫu tại Biểu số 1).

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam có trách nhiệm lập danh mục nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đối với các đơn vị thành viên và các Phòng, ban trực thuộc đảm bảo phù hợp với chức năng nhiệm vụ tại Quyết định thành lập của từng đơn vị.

2. Căn cứ lập dự toán

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng dựa trên:

a) Danh mục, nội dung nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định thành lập hoặc theo Quyết định phê duyệt đề án chuyển đổi theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP.

b) Số lượng người tham gia thực hiện trong mỗi nhiệm vụ, thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ, hệ số lương và các khoản phụ cấp theo lương của những người tham gia thực hiện nhiệm vụ.

Đơn vị căn cứ vào nội dung nhiệm vụ để xác định số người tham gia, vị trí, chức danh trong nhiệm vụ, thời gian thực hiện nhiệm vụ của từng người và kê khai cụ thể trong thuyết minh của nhiệm vụ.

Tổng số người tham gia các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của đơn vị không vượt quá số lượng người làm việc được giao tính đến 31/12/2013. Thời gian tham gia các nhiệm vụ thường xuyên (quy đổi) của mỗi người trong 1 năm không vượt quá 12 tháng (không tính ngày nghỉ theo quy định).

c) Các định mức kinh tế, kỹ thuật do Bộ ban hành và các quy định hiện hành. Trường hợp chưa có định mức thì cần thuyết minh chi tiết căn cứ lập dự toán.

d) Các quy định về phí, lệ phí và thu sự nghiệp khác.

3. Nội dung chi và định mức chi

Nội dung chi và định mức chi trong nhiệm vụ TXTCN thực hiện theo Điều 4 Thông tư 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN.

4. Dự toán kinh phí thực hiện

a) Đối với đơn vị khoa học và công nghệ hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên (điểm a, khoản 1, Điều 4 Nghị định 115/2005/NĐ-CP sửa đổi) thì kinh phí được dự toán đầy đủ các nội dung chi như hướng dẫn tại mục Điều 4, Thông tư 121/2014.

b) Đối với đơn vị khoa học và công nghệ chưa tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên (khoản 2, Điều 4 Nghị định 115/2005/NĐ-CP sửa đổi) thì phải khẩn trương xây dựng Đề án đổi mới tổ chức hoạt động hoặc Đề án kiện toàn tổ chức hoạt động để được áp dụng như điểm a và c mục này.

c) Đối với đơn vị khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách, nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật chuyên ngành, phục vụ quản lý nhà nước (khoản 3 Điều 4 Nghị định 115/2005/NĐ-CP sửa đổi) thì trong dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng không có tiền lương, tiền công, tiền chi hoạt động bộ máy.

d) Việc bổ sung vào dự toán thu để bổ sung nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đối với khoản kinh phí chênh lệch giữa dự toán thu dịch vụ lớn hơn dự toán chi dịch vụ (nếu có) thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng 2015

Đối với năm 2015, tổng kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của đơn vị không vượt quá tổng kinh phí hoạt động thường xuyên đã cấp năm 2014.

6. Thời hạn:

Các đơn vị gửi danh mục nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng về Bộ *trước ngày 20/11/2014* theo địa chỉ: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và PTNT; Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và 01 file mềm theo địa chỉ: khtk.khcn@mard.gov.vn hoặc khcn@gmail.com.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (Đề B/c);
- Lưu: VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Quốc Doanh

0994.27

Biểu số 1:**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG**

(Kèm theo Công văn số: 9070/ BNN-KHCN ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị	Số QĐ thành lập/ Chức năng	Biên chế được giao đến 31/12/ 2013	KP HĐTX năm 2014	Tên nhiệm vụ (Không bao gồm các nhiệm vụ cấp NN, Cấp Bộ)	Thời gian thực hiện quy đổi	Dự kiến kết quả/sản phẩm	Dự kiến kinh phí	
							Tổng	2015
A	Số.... ngày tháng năm			1....				
				2....				
							
B	...			1....				
				2....				
							

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

7 Kế hoạch thực hiện:					
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1					
2					
3					
...			

III. TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Đơn vị tính: triệu đồng

8	Kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo các khoản chi						Nguồn thu từ nhiệm vụ
		Tổng số (triệu đồng)	Trong đó					
			Tiền lương	Các khoản đóng góp theo lương*	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn	Chi khác**	
A	2 (=3-9)	3 (=4+5+6+7+8)	4	5 (= 4 x 24%)	6	7	8	9
	450	450						0

* Các khoản đóng góp theo lương gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.

** Chi khác: gồm hội thảo, hội nghị, công tác phí, thuê khoán ngoài, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, dịch vụ công, thông tin, liên lạc...

Ngày.....tháng năm 20...

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

Ngày.....tháng năm 20...

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...

Cơ quan chủ quản
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt)

09924127

DỰ TOÁN KINH PHÍ THU, CHI NHIỆM VỤ

*Đơn vị tính: triệu
đồng*

TT	Nội dung các khoản thu, chi	Tổng số Kinh phí
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
A	Các khoản chi	
1	Tiền lương
a	Tiền lương những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ
-	<i>Nguyễn Văn A</i>	...
-	<i>Nguyễn Văn B</i>	...
b	Tiền lương những người gián tiếp thực hiện nhiệm vụ	...
-	<i>Trần thị C</i>
-	<i>Lê Văn D</i>	
2	Các khoản đóng góp theo lương	...
3	Nguyên, vật liệu, năng lượng	
4	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn	...
5	Chi khác (hội thảo, hội nghị, công tác phí, thuê khoán ngoài, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, dịch vụ công, thông tin, liên lạc,...)	...
B	Các khoản thu	
C	Kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước cấp (C= A-B)

09944127

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN THU, CHI

Khoản 1. Tiền lương

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung lao động	Hệ số lương và phụ cấp	Số tháng tham gia thực hiện	Tổng số (=3 x 4)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Tiền lương những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ		
-	Nguyễn Văn A		
-	Nguyễn Văn B		
2	Tiền lương những người gián tiếp thực hiện nhiệm vụ		
-	Trần thị C		
-	Lê Văn D		
	Tổng cộng:			...	

Khoản 2. Các khoản đóng góp theo lương

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các khoản đóng góp theo lương	Tỷ lệ đóng góp	Tiền lương	Số phải đóng góp (=3 x 4)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Bảo hiểm xã hội	18%	
2	Bảo hiểm y tế	3%	
3	Bảo hiểm thất nghiệp	1%	
4	Phí công đoàn	2%	
	Tổng cộng:			...	

Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Điện				
2	Nước				
3				
	Cộng:				

Khoản 4. Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Duy tu				
3	Bảo dưỡng				
4				
	Cộng:				

th